TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2021/QĐST-DS	*Thành phố H, ngày 20 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 291/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty N.

Địa chỉ: 22 V, phường T, quận K, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc M và ông Lê Văn V (theo văn bản ủy quyền số 340/GUQ – SGB ngày 18/08/2020); địa chỉ: 50 V, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Ông Trương Đình T

Địa chỉ: 57 H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ: 02 C, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T: Ông Lê Văn K và ông Ngô Tiến T (theo văn bản ủy quyền số 341/GUQ – SGB ngày 18/08/2020); địa chỉ: 50 V, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông Trần Ngọc T; Địa chỉ: 01 L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tuấn: Ông Trần Ngọc T (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021); địa chỉ: 10Pg, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền còn nợ và thời gian thanh toán:* Các bên đương sự xác nhận đến ngày 12/4/2021, ông Trương Đình T còn nợ Công ty N tổng số tiền 7.692.739.726đồng. Trong đó, nợ gốc 5.000.000.000đồng, nợ lãi 2.692.739.726đồng. Các bên đương sự thỏa thuận, đến hết ngày 25/04/2021, ông T sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ 7.692.739.726đồng (Bảy tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng) cho Công ty N.

Nếu đến hết ngày 25/4/2021, ông Trương Đình T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ như thỏa thuận thì căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 163/HĐBĐ-2017 ngày 28/12/2017, Công ty N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số T.1258, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại số 32 đường X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0017 do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 30/05/1997, nội dung thay đổi tên chủ mới vào các ngày 04/07/2000, 23/07/2010, 27/11/2017 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi đã xử lý tài sản thế chấp, nhưng vẫn không đủ để trả nợ thì ông Trương Đình T có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Công ty N đến khi trả hết số tiền nợ còn thiếu.

- *Về tiền lãi:* Các bên đương sự thỏa thuận, kể từ ngày 13/4/2021, ông Trương Đình T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 606/2017/HĐTDTL-CN ngày 28/12/2017 mà các bên đã ký kết cho đến khi trả hết khoản nợ gốc này.

- *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Công ty N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 2.000.000đồng, đã nộp đủ.

- *Về án phí:*

- Ông Trương Đình T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm: [112.000.000đồng + (3.692.739.726đồng x 0,1%)] x 50% = 57.846.369đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng).

- Trả lại cho Công ty N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.616.000đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002028 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
-VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh